

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L.T
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ- ST

Ngày 23 tháng 8 năm 2022

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L.T, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Nhất

2. Ông Trần Trung.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L.T tham gia phiên toà: Ông Phạm Quang Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1986 (có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ.T, xã T.Đ, huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi ở hiện nay: Thôn R.C, xã X.H, huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ.T, xã T.Đ, huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện nay anh Nguyễn Xuân T đang chấp hành hình phạt tù tại khu bếp, phân trại 3, Trại giam V.Q- Cục C10 - Bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 03/6/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Xuân T, ngày 04 tháng 02 năm 2013. Có được tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.Đ, huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau ngày cưới chị về làm dâu và ở chung cùng gia đình nhà chồng.

Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Anh T không có trách nhiệm với gia đình, ít quan tâm đến con, không tu chí làm ăn, không trung thực, thường xuyên lừa dối chị. Chị khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Mâu thuẫn đỉnh điểm tháng 6 năm 2020, vợ chồng ly thân, anh T hứa sửa chữa nhưng không thay đổi. Tháng 01/2021 anh T vi phạm pháp luật bị Tòa án xét xử hiện nay đang phải chấp hành án tại trại giam V.Q. Đến nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 11/11/2013, hiện nay đang ở cùng chị L. Ly hôn chị L xin được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Phương A cho đến khi thành niên. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân T hiện nay đang phải chấp hành bản án tại trại giam nên không thể đến tham gia phiên tòa được. Tại bản tự khai ngày 20/7/2022 anh T trình bày: Anh thừa nhận về điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như chị L trình bày là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T không có mâu thuẫn gì. Bản thân anh rất yêu thương vợ con, chưa đánh mắng gì chị L. Đầu năm 2021 anh vi phạm pháp luật nên bị Tòa án xét xử hiện nay anh đang chấp hành bản án tại trại giam V.Q. Anh hứa cố gắng cải tạo tốt để sớm trở về với gia đình và mong chị L cho cơ hội đợi anh trở về để bù đắp cho chị L và con. Chị L xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh T thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 11/11/2013, hiện nay đang ở cùng chị L. Ly hôn anh T cũng có nguyện vọng xin được nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2022 cháu Nguyễn Phương A trình bày nguyện vọng của cháu xin được ở cùng mẹ.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T.Đ: Việc kết hôn giữa chị L và anh T được Ủy ban nhân dân xã T.Đ đăng ký kết hôn ngày 04/02/2013, sau ngày cưới chị L về làm dâu và ở chung cùng gia đình anh T, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng

quan điểm, cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt thỉnh thoảng cãi nhau từ giữa năm 2020 không thấy chị L sinh sống cùng gia đình anh T. Năm 2021 anh T vi phạm pháp luật hiện nay đang chấp hành án tại trại giam V.Q.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L.T phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L. Về con chung đề nghị giao cho chị L trực tiếp nuôi con chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không xem xét; về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị L, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị Thanh L, khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Nguyễn Xuân T, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã T.Đ, huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L.T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Xuân T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Nguyễn Xuân T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ.

Về tình cảm: Sau khi kết hôn chị L và anh T có thời gian hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không chăm chỉ làm ăn, không quan tâm đến chị L và gia đình, Mâu thuẫn đỉnh điểm khoảng tháng 06 năm 2020 vợ chồng sống ly thân chị L thuê nhà ra ở riêng. Tháng 01/2021 anh T vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành bản án hình phạt 08 năm 06 tháng tù. Anh T muốn đoàn tụ nhưng do thời gian còn phải chấp hành án quá dài, vợ chồng đã mâu thuẫn từ trước khi anh Trường vi phạm pháp

luật. Xác minh tại địa phương xã T.Đ thể hiện chị L hiện nay không cư trú tại xã T.Đ hơn hai năm nay. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị Thanh L được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

Về con chung: Xét đề nghị của chị L, anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 11/11/2013, hiện nay đang ở cùng chị L. Ly hôn chị L và anh T cùng có nguyện vọng xin được nuôi con. Anh T đang phải chấp hành bản án nên không có đủ điều kiện để nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi của con chung cần giao cho chị L được tiếp tục nuôi con cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Phương A. Chị L có việc làm thu nhập ổn định không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị L, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thanh L được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 11/11/2013 cho đến khi thành niên. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị L, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0006300 ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.T. Chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị L có mặt có quyền kháng cáo bản án. Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện L.T;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.T;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T.Đ (để vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Sinh

